

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nga
2. Bà Trần Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/QĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Đ** sinh năm 1994; Đăng ký HKTT: Thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB; Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản; Căn cước công dân số: 034194002*** do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư ngày 04/11/2015.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Văn L** sinh năm 1988; Đăng ký HKTT: Thôn TL, xã MK, huyện VT, tỉnh TB; Căn cước công dân số 034088004*** do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/3/2022.

(Chị Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn - chị Vũ Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện VT, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống với gia đình anh L được khoảng 9 tháng thì giữa chị và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh L không đứng ra hòa giải can ngăn khiến cho mâu thuẫn

giữa chị và mẹ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra cãi vã liên quan đến sinh hoạt hàng ngày. Chị và anh L nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không thể hòa giải được, có những lúc không nói chuyện trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Đến năm 2017, anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị ở nhà có xảy ra mâu thuẫn với mẹ chồng, mẹ chồng đã đánh đuổi chị nên chị đã dẫn con về gia đình mẹ đẻ chị sinh sống. Tháng 4 năm 2018, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tuy nhiên chị và anh L không sống gần nhau (cách nhau khoảng 150km). Khoảng cuối năm 2019, anh L đã có hành vi đánh, đấm chị dẫn đến vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng và cắt đứt liên lạc với nhau và sống ly thân đến nay. Cuối năm 2021, anh L về Việt Nam. Ngày 15/5/2023, chị về Việt Nam nhưng chị không chung sống cùng anh L và gia đình chồng. Trong thời gian chị về Việt Nam, anh L và cậu là ông T có đến nhà mẹ đẻ chị hòa giải, động viên chị trở về sống cùng anh L nhưng chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh L không thể tiếp tục được. Vì vậy, chị đã không về sống cùng anh L. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Chị và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 23/5/2016. Hiện nay, cháu M đang sống cùng chị và bố mẹ đẻ chị, cháu được chăm sóc đầy đủ và đảm bảo sự phát triển. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ của chị), sinh năm 1965, trú tại thôn 7, xã VT, huyện KX, tỉnh TB chăm sóc con chung trong thời gian chị lao động ở nước ngoài, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Đ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L thì tại thời điểm giao giấy triệu tập anh L không có mặt tại nhà, mẹ anh L là bà Phạm Thị Bích đã nhận hộ các văn bản giấy tờ cho anh L và cam kết giao, thông báo cho anh L theo quy định.

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1966, trú tại thôn TL, xã MK, huyện VT trình bày: Anh L đi vào Đắc Lắc thăm bác ruột là bà Nguyễn Thị B đã ba tuần nay chưa về. Anh L đã biết chị Đ khởi kiện xin ly hôn anh L và anh L còn chơi ở trong Đắc Lắc chưa biết thời gian nào trở về.

Chị Đ, anh L kết hôn với nhau từ năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng anh L chung sống cùng gia đình bà được khoảng 2 năm thì cả hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 7/2021, anh L về Việt Nam sống cùng gia đình bà, chị Đ vẫn tiếp tục lao động tại Nhật Bản. Tháng 5/2023, chị Đ có nghỉ phép về Việt Nam nhưng không về nhà bà mà về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị Đ có sang gặp

gia đình bà và nói chuyện là chị Đ và anh L đã mâu thuẫn và sống ly thân từ 3 năm, khi hai người còn đang ở Nhật Bản, nay vợ chồng không thể đoàn tụ được. Chị Đ xin phép gia đình bà để chị Đ làm thủ tục ly hôn anh L. Chị Đ và anh L đã bàn bạc với nhau về việc ly hôn, anh L và chị Đ đã thống nhất thuận tình ly hôn nhưng anh L nói để chị Đ làm đơn ly hôn đơn phương, anh L không bao giờ đến Tòa án giải quyết.

Gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh TB và chụp thông báo gửi qua zalo cho anh L. Anh L gọi điện về cho bà nói rằng việc ly hôn là do vợ quyết định, anh L nhất trí ly hôn. Anh L đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L và chị Đ tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bản thân bà mong muốn vợ chồng anh L chị Đ về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, bà đã động viên anh L nhưng anh L không đồng ý. Nay bà thấy anh L và chị Đ đã mâu thuẫn căng thẳng, không thể đoàn tụ được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L chị Đ được ly hôn. Bà nhất trí việc anh L và chị Đ thống nhất giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì cháu M hiện đang ở cùng với ông bà ngoại cháu và được ông bà chăm sóc chu đáo, cháu M cũng muốn ở với ông bà ngoại và mẹ cháu, chị Đ vẫn đảm đương được việc nuôi con. Hiện anh L chưa về nên bà đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà, bà cam kết giao lại cho anh L.

- Cháu Nguyễn Ngọc M trình bày: Hiện cháu đang sinh sống cùng mẹ và ông bà ngoại, bà ngoại rất quan tâm và chăm sóc cháu; nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 trú tại thôn 7A, xã VT, huyện KX, tỉnh TB (mẹ đẻ của chị Đ) trình bày: Chị Đ và anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK ngày 18/9/2015 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Đ, anh L cùng chung sống với bố mẹ đẻ anh L nhưng trong quá trình chung sống với gia đình chồng giữa chị Đ và mẹ chồng là bà Phạm Thị Bích có xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Anh L không chia sẻ với vợ mà còn nghe mẹ dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị Đ, anh L có thường xuyên cãi vã. Năm 2017, anh L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị Đ và cháu M vẫn sống chung cùng gia đình chồng. Cuối năm 2017, giữa bà B và chị Đ xảy ra mâu thuẫn, bà Bích đã đuổi chị Đ nên chị Đ đã bế con về chung sống với gia đình bà. Sau đó gia đình bà B lại xuống xin gia đình bà cho mẹ con chị Đ về ở nhà chồng, chị Đ và cháu M lại quay trở về gia đình bà Bích. Tháng 4/2018, chị Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không sinh sống và làm việc gần anh L. Khoảng giữa năm 2019, bà thấy chị Đ điện thoại phàn nàn với bà là chị bị anh L đánh, đâm sưng mặt, mũi. Từ đó chị Đ và

anh L đã cắt đứt liên lạc với nhau, chị Đ, anh L sống ly thân đến nay. Cách đây khoảng hơn 1 năm, anh L về Việt Nam sinh sống, thỉnh thoảng anh L chỉ chở cháu M xuống chơi với gia đình bà nhưng anh L không nói chuyện với gia đình bà về việc vợ chồng mâu thuẫn. Ngày 15/5/2023, chị Đ nghỉ phép về Việt Nam nhưng không về chung sống với anh L mà vẫn ở tại nhà bà. Anh L có nhờ cậu là ông Toàn xuống đón chị Đ về, gia đình bà cũng động viên chị Đ trở về chung sống với anh L nhưng chị Đ không đồng ý. Nay chị Đ xin ly hôn anh L, bà thấy chị Đ và anh L không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh L. Vợ chồng anh L, chị Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 23/5/2016, hiện cháu M đang ở cùng mẹ cháu tại gia đình bà. Đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình bà sẽ hỗ trợ chị Đ nuôi cháu M kể cả trong khi chị Đ vắng nhà đi làm ăn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
- + Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc M sinh ngày 23/5/2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.
- + Về án phí: chị Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Vũ Thị Đ và anh Nguyễn Văn L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị Đ và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/7/2010, được xác định là

hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Lời khai của chị Đ và lời khai của B là mẹ đẻ anh L đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh L đã kéo dài từ nhiều năm nay. Mặc dù anh L biết rõ việc chị Đ xin ly hôn nhưng anh L không tìm cách hàn gắn mà còn thông qua bà B để bày tỏ ý kiến đồng ý ly hôn chị Đ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ và anh L ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: chị Đ và anh L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc M sinh ngày 23/5/2016, hiện cháu M đang ở cùng mẹ và bà ngoại, cháu M được chăm sóc chu đáo; chị Đ mặc dù làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên quan tâm đến con, chi phí toàn bộ cho con ăn học; nguyện vọng của cháu M là được ở với mẹ. Vì vậy, để ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu M, căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Đ không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Vũ Thị Đ ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Giao cháu Nguyễn Ngọc M sinh ngày 23/5/2016 cho chị Vũ Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Đ, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Chị Vũ Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh TB.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TB;
- UBND xã MK, huyện VT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lan Anh